

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: đường K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Thanh L và bà Nguyễn Thị Hải A (giấy ủy quyền số 268A/2022/QĐ-LienVietPostBank.ĐN ngày 21/6/2022)

Địa chỉ: đường M, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn S và bà Lê Thị Trúc L.

Địa chỉ: đường N, tổ 117, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S có vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đà Nẵng – PGD Thanh Khê số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0002C/2016/HDTD.412 ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ số: 0002C/2016/KUNN.412 ngày 15/07/2016. Theo nội dung hợp đồng đã ký,

các bên thỏa thuận thời hạn cho vay là 60 kỳ (tháng) (Từ 15/07/2016 – 15/07/2021); Mục đích sử dụng vốn: Vay mua sắm đồ gia dụng; Lãi suất gồm: Lãi suất trong hạn: 8,75%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S đã thanh toán tổng số tiền là 137.225.873 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 95.000.000 đồng và Nợ lãi: 42.225.873 đồng). Bà L và ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng kể từ kỳ trả nợ ngày 15/10/2019. Tính đến ngày 27/6/2022, bà L và ông S còn nợ ngân hàng số tiền 92.567.656 đồng (Trong đó, nợ gốc là 54.999.932 đồng, nợ lãi trong hạn 24.347.036 đồng và nợ lãi quá hạn 13.220.688 đồng)

Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã cố gắng liên lạc để đôn đốc nhắc nhở bà L và ông S thanh toán nợ và thông báo cho đơn vị bà L tình hình trả nợ nhưng bà L đã nghỉ việc, đồng thời bà L và ông S đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo về nơi cư trú hiện tại của ông bà.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng. Đồng thời buộc bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0002C/2016/HDTD.412 ngày 13/07/2016 kể từ ngày 27/06/2022 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 92.567.656 đồng làm một lần là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 92.567.656 đồng (Trong đó, nợ gốc là 54.999.932 đồng, nợ lãi trong hạn 24.347.036 đồng và nợ lãi quá hạn 13.220.688 đồng) thì thấy: Theo Hợp đồng tín dụng số 0002C/2016/HDTD.412 ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ số: 0002C/2016/KUNN.412 ngày 15/07/2016, bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Đà Nẵng – PGD Thanh Khê số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 kỳ (tháng) (Từ 15/07/2016 – 15/07/2021). Mục đích sử dụng vốn: Vay mua sắm đồ gia dụng. Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 8,75%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S đã thanh toán tổng số tiền là 137.225.873 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 95.000.000 đồng và Nợ lãi: 42.225.873 đồng). Kể từ kỳ trả nợ ngày 15/10/2019, bà L và ông S đã không thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 0002C/2016/HDTD.412 ngày 13/07/2016. Do đó, tương ứng với mỗi kỳ chậm trả, Ngân hàng đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn, phù hợp với Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 0002C/2016/HDTD.412 ngày 13/07/2016.

HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 27/6/2022 là 92.567.656 đồng (Trong đó, nợ gốc là 54.999.932 đồng, nợ lãi trong hạn 24.347.036 đồng và nợ lãi quá hạn 13.220.688 đồng). Kể từ ngày 27/6/2022, bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[4] Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.628.382 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn ba trăm tám mươi hai đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S. Xử: Buộc bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S phải trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 92.567.656 đồng (Trong đó, nợ gốc là 54.999.932 đồng, nợ lãi trong hạn 24.347.036 đồng và nợ lãi quá hạn 13.220.688 đồng).

Bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 27/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.628.382 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn ba trăm tám mươi hai đồng) bà Lê Thị Trúc L và ông Nguyễn S phải chịu. Hoàn trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí 1.984.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000367 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy